

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BT
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/ HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2019

*Về việc tranh chấp: “Thay đổi
người trực tiếp nuôi con và
chia tài sản chung sau khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BT, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Kim Mỹ;

2/ Ông Trần Văn Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BT:

Bà Nguyễn Thị Trúc Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 và ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa Án nhân dân thành phố BT, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Tị lý số: 189/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019, về tranh chấp: *“Thay đổi người trực tiếp nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Đăng Kh, sinh năm: 1986

Địa chỉ: 57B, ấp A, xã M, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Kh: **Ông Trần Nhật Long H** - Văn phòng luật sư HN Thộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: 137C, Hùng Vương, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Lê Thị Mộng Th, sinh năm 1990

Địa chỉ: số 255E, tổ 6, ấp B, xã B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị Th: **Bà Phan Thị Hồng H** - Văn phòng luật sư Võ Tấn Th thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: 105B, đường Trương Định, phường C, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Đỗ Thị L**, sinh năm 1961

Địa chỉ: 130/3 ấp D, xã T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 23/4/2019, bản tự khai ngày 21/5/2019 cùng những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Nguyễn Đăng Kh trình bày như sau:*

Vào ngày 15/10/2018 anh và chị Th ly hôn nhau, theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 284/2018/QĐST-HNGĐ về vấn đề tài sản chung giữa anh và chị Th tự thỏa thuận giải quyết, về con chung chị Th được nuôi con chung tên Nguyễn Lê Đăng Kh1, sinh ngày 21/11/2015, chị Th không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con nhưng hàng tháng anh vẫn chu cấp đóng tiền học, mua đồ đạc cho cháu Kh1. Nay anh làm đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung giữa anh và chị Th, về con chung anh yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Cụ thể:

- Về con chung: Bé Nguyễn Lê Đăng Kh1 được bác sĩ Kh tâm lý bệnh viện Nhi đồng 1 chuẩn đoán bé bị “Rối loạn phát triển lan tỏa” tức là 1 dạng của bệnh tự kỷ nhưng chị Th không hợp tác trong vấn đề điều trị sớm cho bé Kh1, chị Th làm việc tại trạm y tế phường H, thành phố BT không trực tiếp chăm sóc con mà giao cho bà ngoại là bà Đỗ Thị L nuôi dưỡng tại huyện P, tỉnh Bến Tre. Bà L thường tổ chức các hoạt động mê tín dị đoan tại nhà, nhà bà L không được an toàn vì phía trước nhà là quốc lộ 57, phía sau nhà là ao tôm, bé Kh1 bị tăng động nên tiềm ẩn sự nguy hiểm, em ruột của Th mới ra trại cai nghiện ma túy vừa trở về nhà và đang sống chung với bé Kh1 vì vậy nếu trường hợp em ruột Th tái nghiện thì ảnh hưởng rất lớn đến bé Kh1, chị Th không có nhà riêng, thu nhập thấp không đủ điều kiện để nuôi con, khi giao bé Kh1 cho bà ngoại nuôi thì chị Th không cho bé Kh1 đi học mẫu giáo, chỉ cho Kh1 học tại trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật 1 tuần 1 lần với thời gian là 1 tiếng 30 phút. Trong khi đó, anh có thu nhập ổn định là 10.097.730đ/tháng, anh có nhà riêng và 2 thửa đất tại xã B và xã N, thành phố BT, nếu bé Kh1 ở với anh thì bé Kh1 sẽ được đi học mầm non tại trường mầm non B, nhà gần trường nuôi dạy trẻ khuyết tật nên bé Kh1 sẽ không bị mệt mỏi khi đến lớp và việc bé Kh1 được học lớp chuyên biệt tại trường vào buổi tối cũng thuận tiện hơn. Do đó, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh1, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Trước khi kết hôn với chị Th anh có 1 phần đất tại thửa 1067 (5) tại xã B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre do anh đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên phần đất này anh đã xây dựng 1 ngôi nhà cấp 4. Anh và chị Th kết hôn vào năm 2013, vào năm 2015 thì mẹ của chị Th là bà Đỗ Thị L có cho anh và chị Th số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) để sửa nhà ở. Trong quá trình chung sống anh và chị Th có sắm sửa các vật dụng trong nhà là 01 bộ salon gỗ, 01 ti vi 43 in hiệu Panasonic, 01 ti vi 32 in hiệu TCL, 01 máy lạnh hiệu Sharp, bàn ghế, tủ, giá trị khoảng 50.000.000đ, anh yêu cầu chị Th giao nhà,

công trình kiến trúc trên đất thừa 1067 (5) cùng tài sản trong nhà cho anh quản lý sử dụng trong thời gian 1 tháng kể từ ngày Tòa án xét xử xong vụ án, anh đồng ý giao cho chị Th số tiền là 1/2 giá trị căn nhà theo giá trị mà Hội đồng định giá đã định giá và 1/2 giá trị tài sản trong nhà là 25.000.000đ.

Về yêu cầu phản tố của chị Th về việc yêu cầu anh trả 14 chỉ vàng 24K, anh không đồng ý, tại phiên tòa chị Th rút yêu cầu phản tố này nên anh không có ý kiến gì.

Về yêu cầu độc lập của bà L yêu cầu anh trả cho bà số tiền 75.000.000đ đã cho anh vào năm 2015, anh không đồng ý vì số tiền này bà L cho anh và chị Th sửa chữa nhà không phải tiền anh mượn nên anh không có nghĩa vụ trả số tiền này.

** Tại bản tự khai ngày 21/5/2019, đơn phản tố ngày 15/8/2019 cùng những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Lê Thị Mộng Th trình bày.*

Vào ngày 12/11/2013 chị và anh Kh chung sống và có đăng ký kết hôn, tại lễ cưới gia đình chị và gia đình anh Kh cho chị 13 chỉ vàng 24k, trong thời gian chung sống anh Kh đã lấy toàn bộ số vàng này để đóng học phí của anh Kh và chi tiêu cá nhân, tại phiên tòa anh Kh không thừa nhận đã tiêu xài cá nhân số vàng này nên chị xin rút lại yêu cầu phản tố và không yêu cầu anh Kh trả số vàng này.

Theo yêu cầu của anh Kh, về tài sản chung chị đồng ý giao nhà, các công trình kiến trúc có trên đất và các tài sản khác trong nhà gồm 01 bộ salon gỗ, 01 tivi 43 in hiệu Panasonic, 01 tivi 32 in hiệu TCL, 01 máy lạnh hiệu Sharp, bàn ghế, tủ lạnh cho anh Kh và đồng ý nhận 1/2 giá trị căn nhà, công trình kiến trúc trên đất tính theo giá mà Hội đồng định giá đã định, các tài sản trong nhà có giá trị 50.000.000đ chị yêu cầu nhận 25.000.000đ.

Về con chung chị không đồng ý giao con cho anh Kh, lý do anh Kh không quan tâm đến con, gia đình anh Kh cũng không thương bé Kh1, chị đủ điều kiện để nuôi con vì chị đã tham gia tập huấn các lớp học liên quan đến các bệnh về tâm thần, chị có tiền và sẽ mua nhà trong thời gian tới, khoảng 1 đến 2 tháng nữa chị sẽ rước cháu Kh1 lên ở với chị và tìm trường cho cháu học, thu nhập tiền lương của chị là 3.700.000đ/tháng, mẹ chị cho hàng tháng là 3.000.000đ đến 4.000.000đ/tháng đủ để chị chi tiêu cho cháu Kh1 khoảng 3.000.000đ/tháng, em trai chị có đưa cháu Kh1 đi học tại trường nuôi dạy trẻ khuyết tật và chị có vào lớp học với cháu Kh1, mặc dù đi xe buýt từ P lên Bến Tre đi bằng xe buýt với thời gian 1 tháng nhưng cháu Kh1 rất thích và vui vẻ.

Về yêu cầu độc lập của mẹ chị là bà Đỗ Thị L về việc yêu cầu anh Kh và chị trả cho bà số tiền 150.000.000đ, tại phiên tòa bà L xin rút yêu cầu khởi kiện đối với chị và chỉ yêu cầu anh Kh trả cho bà số tiền 150.000.000đ. Theo chị thì yêu cầu khởi kiện của bà L có căn cứ vì vào năm 2015 bà L có cho chị và anh Kh mượn số tiền 150.000.000đ để sửa nhà ở anh Kh hứa khi nào có sẽ trả lại tiền cho mẹ chị, khi mượn không có làm giấy tờ, chị và anh Kh đã ly hôn và chia tài sản chung thì anh Kh phải có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 75.000.000đ, về việc bà L không yêu cầu chị trả số tiền 75.000.000đ, chị không có ý kiến gì.

** Tại đơn khởi kiện ngày 03/7/2019, biên bản lấy lời khai ngày 12/7/2019 cùng lời khai tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị L trình bày:*

Vào tháng 6/2014 Kh có về nhà bà và hỏi mượn bà số tiền 150.000.000đ để sửa chữa nhà ở, bà đồng ý cho mượn, khi cho mượn không làm giấy tờ, mượn không có lãi, khi Kh, Th ly hôn bà không biết và do Kh không khai có nợ của bà nên bà không làm đơn khởi kiện, nay bà yêu cầu Kh trả cho bà số tiền 75.000.000đ, không yêu cầu trả lãi suất, trước đây bà có yêu cầu Th cùng trả nhưng nay bà không yêu cầu Th trả cho bà số tiền 75.000.000đ, bà xin rút yêu cầu khởi kiện với Th.

Về cháu Kh1, bà biết cháu có bệnh nhưng bị rối loạn phát triển nhẹ, gia đình tập nói chuyện cho bé là sẽ khỏi bệnh, cháu Kh1 đang sống chung với bà, Th đi làm ở phường 6, thành phố BT trong tuần thường về nhà vài buổi tối sau khi đi làm về, hiện nay bà đang sống với người con trai út của bà, bà thấy cháu Kh1 phát triển bình thường.

** Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của anh Kh trình bày:*

Tại phiên tòa hôm nay anh Kh và chị Th thỏa Thận xong về tài sản chung, chị Th rút yêu cầu phản tố đối với anh Kh nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về yêu cầu thay đổi người nuôi con, anh Kh có đủ điều kiện tốt về thu nhập, môi trường giáo dục, chị Th không đủ điều kiện trong việc nên nuôi con, giao con cho mẹ ruột nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thay đổi người nuôi con, giao cháu Kh1 cho anh Kh nuôi dưỡng.

Về yêu cầu độc lập của bà L, bà L không có gì chứng minh cho yêu cầu của bà, tại thời điểm chị Th và anh Kh ly hôn bà cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

** Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của chị Th trình bày:*

Tại phiên tòa hôm nay anh Kh và chị Th thỏa Thận xong về tài sản chung, chị Th rút yêu cầu phản tố nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về yêu cầu thay đổi người nuôi con, từ khi sinh ra cho đến nay cháu Kh1 đều cho chị Th chăm sóc, nếu thay đổi người chăm sóc sẽ ảnh hưởng đến cháu Kh1, hiện cháu Kh1 được chị Th và bà L chăm sóc sức khỏe rất tốt nếu thay đổi người chăm sóc khác chăm sóc thì sợ ảnh hưởng đến sức khỏe của cháu, sau này chị Th mua nhà sẽ chuyển cháu Kh1 về ở chung với chị, nếu thay đổi môi trường sống thì sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của cháu Kh1, do đó đề nghị Hội đồng xét xử vẫn để cháu Kh1 cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát ý kiến giải quyết như sau:*

- Về mặt hình thức: Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng và Hội đồng xét xử là đúng theo quy định của Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 33, 43, 59, 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Điều 463 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Kh và chị Th, chị Th giao nhà, tài sản trong nhà cho anh Kh, anh Kh đồng ý giao cho chị Th 1/2 giá trị căn nhà theo giá hội đồng định giá đã định và 1/2 giá trị tài sản trong nhà là 25.000.000đ.

Chấp nhận yêu cầu của anh Kh về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Lê Đăng Kh1, sinh ngày 21/11/2015.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà L về việc buộc anh Kh trả số tiền 75.000.000đ và đình chỉ yêu cầu độc lập của bà L về việc yêu cầu chị Th trả 75.000.000đ.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của chị Th về việc yêu cầu anh Kh trả 13 chỉ vàng 24k.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của nguyên đơn, bị đơn, kết quả tranh luận và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Anh Kh yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và chia tài sản chung sau khi ly hôn nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án này là tranh chấp về việc “Thay đổi người trực tiếp nuôi con và chia tài sản sau khi ly hôn”, chị Th hiện đang sinh sống tại xã B, thành phố BT, tài sản đang tranh chấp cũng tại xã B, thành phố BT nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT là đúng theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, chị Th rút yêu cầu phản tố về việc buộc anh Kh trả cho chị 13 chỉ vàng 24K nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phản tố của chị Th là phù hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Đỗ Thị L cũng có yêu cầu rút 1 phần yêu cầu độc lập, bà không yêu cầu chị Th trả cho bà số tiền 75.000.000đ, chỉ yêu cầu anh Kh trả cho bà số tiền 75.000.000đ, nên Hội đồng xét xử đình chỉ 1 phần yêu cầu độc lập của bà L là phù hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa các đương sự thống nhất với biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản ngày 10/7/2019, hồ sơ đo đạc theo yêu cầu của Tòa án ngày 23/7/2019 nên Hội đồng xét xử xác định đây cũng là căn cứ giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

** Xét về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con: Anh Kh cho rằng điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục cháu Kh1 của chị Th không tốt nên yêu cầu thay đổi người nuôi con.*

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại quyết định ly hôn số 284/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2018 của TAND thành phố BT có nội dung: “Về con chung: Tên Nguyễn Lê Đăng Kh1, sinh ngày 21/11/2015, hiện đang sống với chị Th, chị Th tiếp tục chăm sóc giáo dục con chung, anh Kh cấp dưỡng theo khả năng”. Như vậy, khi ly hôn Toà án nhân dân thành phố BT giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh1 theo sự thỏa thuận giữa chị Th và anh Kh, sau khi ly hôn chị Th nuôi dưỡng cháu Kh1 tại căn nhà của chị và anh Kh tại xã B, cháu Kh1 vẫn tiếp tục được đi học tại trường mầm non B.

Tuy nhiên, từ tháng 5/2019 cho đến nay chị Th không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh1 mà giao cháu Kh1 cho bà L là bà ngoại của cháu Kh1 nuôi dưỡng tại huyện P, 1 tuần chị Th về nhà bà L tại huyện P 1-2 ngày để thăm con, như vậy chị Th đã vi phạm thỏa Thuận giữa chị và anh Kh theo quyết định ly hôn số 284/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2018 và khi chị Th giao con cho bà L nuôi dưỡng đã chứng tỏ chị Th không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

+ Về tình trạng sức khỏe, điều kiện sống, học tập của cháu Kh1:

Theo giấy khám sức khỏe của cháu Kh1 vào tháng 4/2018 tại Bệnh viện nhi đồng 1 thì bác sĩ chuẩn đoán cháu Kh1 bị bệnh rối loạn phát triển lan toả, chậm phát triển so với độ tuổi và yêu cầu cho cháu Kh1 tham gia lớp can thiệp sớm. Cháu Kh1 đi học mẫu giáo tại trường mầm non B và tháng 9/2017 và vào ngày 14/12/2018 anh Kh có làm đơn xin cho cháu Kh1 tham gia học lớp can thiệp sớm tại trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật tỉnh Bến Tre.

Theo xác nhận ngày 20/5/2019 (BL 25) của ban giám hiệu trường mầm non B, thành phố BT thì cháu Kh1 không được đến lớp học thường xuyên và nghỉ học rất nhiều ngày trong thời gian học, cụ thể là từ tháng 8/2018 đến tháng 5/2019 thì tháng nào cháu Kh1 cũng nghỉ học và thời gian nghỉ học lên đến 17 ngày, lý do nghỉ học là bị bệnh.

Tại biên bản xác minh ngày 28/8/2019, bà Hồ Thị Thu Th1 là giáo viên dạy cho cháu Kh1 tại trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật cho biết: Cháu Kh1 có biểu hiện hành vi rất phức tạp, nhận thức của cháu chậm hơn so với độ tuổi, gia đình phải trực tiếp đến lớp để tham khảo cách tiếp cận, giáo dục của cô giáo để khi về nhà có thể trực tiếp giáo dục trẻ, trong thời gian học, cháu Kh1 được cha đưa đến lớp học, bà chưa gặp mẹ bé lần nào, tháng 5/2019 thì cháu Kh1 nghỉ học cho đến nay.

Như vậy, theo giấy khám sức khỏe và xác nhận của Ban giám hiệu trường mẫu giáo mầm non B thì cháu Kh1 thường xuyên nghỉ học, việc đến lớp can thiệp sớm cũng chỉ do anh Kh trực tiếp đưa rước cháu đi và tham khảo cách dạy của cô giáo, chị Th chưa lần nào đưa cháu Kh1 đi học tại lớp can thiệp sớm. Chị Th thừa

nhận cháu Kh1 thường nghỉ học là do cháu bị bệnh nhưng chị không cung cấp được chứng cứ chứng minh là cháu Kh1 bị bệnh buộc phải nghỉ học thời gian dài lên tới 17 ngày, chị Th cũng thừa nhận chị có nhắn tin với anh Kh và cho rằng cháu Kh1 chỉ bị chậm nói chứ không phải bị bệnh rối loạn phát triển lan toả nên chị không đồng ý cho bé đi học tại lớp can thiệp sớm và chị cũng không có lần nào đưa cháu Kh1 đi học tại lớp này cho đến tháng 9/2019 chị mới cho bé đi học, chị xác định khi nhắn tin với anh Kh là do chị bị bệnh trầm cảm nên mới nhắn tin như vậy.

Tại phiên toà, chị Th thừa nhận khi giao con cho bà L nuôi dưỡng, chị Th cũng không cho cháu Kh1 đi học tại trường mầm non, từ tháng 5/2019 cho đến tháng 8/2019 chị Th cũng không cho cháu Kh1 đến học tại trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật và cũng không cho cháu Kh1 học tại bất cứ trường nào.

Từ những phân tích trên cho thấy, mặc dù anh Kh không được giao trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Kh1 nhưng anh vẫn thực hiện trách nhiệm của người cha, vẫn quan tâm, chăm sóc cháu Kh1. Còn chị Th, sau khi có kết luận của bác sĩ về tình trạng bệnh của cháu Kh1 nhưng chị vẫn không hợp tác với anh Kh trong việc chăm sóc, điều trị bệnh cho cháu Kh1, chị không đưa rớt cháu Kh1 đi học tại lớp can thiệp sớm, chị cũng không cho bé Kh1 đi khám sức khỏe thường xuyên, không có kế hoạch điều trị bệnh cho cháu. Điều quan trọng là hiện nay chị không phải là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh1 mà giao cho bà L nuôi dưỡng, chăm sóc, từ nhà chị đang ở xã B đến nhà bà L tại huyện P là khoảng 60km, thời gian di chuyển khoảng 60 phút mới đến, một tuần chị về nhà bà L từ 1-2 lần, như vậy về khoảng cách địa lý và thời gian thì chị Th không thể chăm sóc cháu Kh1 1 cách toàn diện, chu đáo được, chị Th là một y sĩ có tập huấn kiến thức dành cho người bị bệnh liên quan đến tâm thần nhưng chị không dành thời gian chăm sóc cháu Kh1 thì kiến thức đó cũng không giúp gì được cho bệnh tình của cháu Kh1. Bên cạnh đó, cháu Kh1 mới 46 tháng tuổi, rất cần đi học để tiếp xúc với con người và môi trường xung quanh nhưng chị Th lại không cho cháu Kh1 đi học, với lý do tại huyện P không có trường nào đồng ý nhận cháu Kh1 khi cháu đang bị bệnh, trong khi đó tại trường mầm non B đồng ý nhận cháu Kh1 vào lớp học thì chị Th lại không cho cháu Kh1 học. Như vậy, từ ý thức đến hành động chị Th đều không đáp ứng đầy đủ điều kiện để tiếp tục được nuôi dưỡng cháu Kh1.

+ Về thu nhập:

Theo xác nhận ngày 16/9/2019 của Công an tỉnh Bến Tre thì anh Kh có mức lương là 10.097.730đ/tháng, trong khi đó lương tháng của chị Th là 3.700.000đ, theo chị Th thì chi tiêu hàng tháng của cháu Kh1 là 3.000.000đ/tháng, như vậy với Th nhập của chị Th thì không thể nào nuôi cháu Kh1 và nuôi bản thân chị được, chị Th trình bày hàng tháng mẹ chị cho chị từ 3.000.000đ – 4.000.000đ/tháng để nuôi cháu Kh1, Hội đồng xét xử xét thấy đây là nguồn thu nhập không ổn định nên không thể xác định thu nhập của chị Th mỗi tháng từ 6.700.000đ-7.700.000đ được, do đó xác định thu nhập của anh Kh ổn định, đáp ứng được điều kiện về kinh tế khi nuôi cháu Kh1.

Bên cạnh đó, theo thoả thuận giữa chị Th và anh Kh thì chị Th giao nhà lại cho anh Kh, như vậy đồng nghĩa với việc hiện nay chị Th không có nhà ở ổn định, chị Th trình bày chị sẽ mua nhà nhưng đó là dự định trong tương lai, chưa xảy ra nên điều kiện về nhà ở của chị Th là không có, trong khi đó anh Kh có nhà, đất tại thửa 1067, diện tích là 109,5m² và một thửa đất diện tích 239,2m² Thộc thửa 862 (8) tại xã N, như vậy anh Kh có nhà ở ổn định và có tài sản khác đủ để đáp ứng được điều kiện về kinh tế để nuôi cháu Kh.

Theo ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị Th cho rằng việc để cháu Kh1 cho bà L nuôi dưỡng vẫn đáp ứng được nhu cầu thiết yếu cho cháu Kh1, nếu thay đổi người nuôi con sẽ thay đổi môi trường sống ảnh hưởng đến tâm lý của cháu Kh1 nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu thay đổi người nuôi con của anh Kh. Hội đồng xét xử xét thấy, cho dù bà L nuôi cháu Kh1 có tốt như thế nào thì cũng không thể đáp ứng được nhu cầu về tình cảm cho cháu Kh1, cháu Kh1 còn nhỏ, rất cần sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục trực tiếp của cha mẹ, tình yêu thương của cha mẹ và điều quan trọng là cháu Kh1 đang bị bệnh về vấn đề tâm lý, sự thiếu thốn tình cảm của cha mẹ ít nhiều cũng ảnh hưởng đến tâm lý của cháu. Bên cạnh đó, từ nhà bà L lên đến trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật cách 60km, thời gian đi khoảng 60 phút, khi đi đến trường cháu Kh1 phải đi xe buýt cùng với cậu ruột là quá xa, việc di chuyển xa bằng phương tiện công cộng và trong thời gian dài thì ít nhiều cũng ảnh hưởng đến sức khoẻ của cháu Kh1, trong khi đó nếu cháu sống tại xã B thì việc đến trường của cháu cũng gần hơn, thuận tiện hơn và không ảnh hưởng gì đến sức khoẻ của cháu. Từ khi sinh ra cho đến tháng 5/2019 cháu Kh1 sống tại căn nhà ở xã B nên đây là môi trường sống mà cháu Kh1 đã quen Thộc, khi chị Th cho cháu Kh1 sống với bà L ở huyện P là đã làm thay đổi môi trường sống nên cũng sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của cháu Kh1, do đó không chấp nhận lời trình bày của người bảo vệ quyền, lợi ích của chị Th về việc không chấp nhận yêu cầu của anh Kh, tiếp tục cho chị Th nuôi dưỡng cháu Kh1.

Lời trình bày của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của anh Kh phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được xem xét, chấp nhận.

Từ những phân tích trên cho thấy, khi ly hôn chị Th được giao nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Kh1 nhưng chị Th không trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Kh1, thu nhập của chị thu thấp không đủ để đáp ứng được nhu cầu cuộc sống chị Th và cháu Kh1, chị Th không có nhà riêng để cho chị và cháu Kh1 ổn định cuộc sống, chị Th không cho cháu Kh1 đi học mầm non, điều kiện cháu Kh1 đến học lớp can thiệp sớm tại trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật khó khăn, trong khi đó anh Kh có đầy đủ các điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Kh1, do đó Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh Kh, buộc chị Th giao cháu Nguyễn Lê Đăng Kh1 cho anh Kh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn:

+ Về đất: Tại phiên tòa hôm nay, anh Kh và chị Th đều thống nhất phần đất có diện tích 109,5m² Thộc thửa 1067 tờ bản đồ số 5 tại xã B, thành phố BT do anh

Nguyễn Đăng Kh đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) là tài sản riêng của anh Kh có được trước khi kết hôn với chị Th, chị Th và anh Kh không tranh chấp phần đất này nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét đến.

+ Về nhà: Anh Kh yêu cầu chị Th giao tài sản chung là căn nhà và công trình kiến trúc có trên phần đất được xây dựng tại thửa đất 1067 (5) này cho anh Kh, anh Kh đồng ý giao cho chị Th 1/2 giá trị căn nhà và công trình kiến trúc khác theo giá mà Hội đồng định giá đã định giá, chị Th đồng ý.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 10/7/2019, hồ sơ đo đạc ngày 23/7/2019 thì căn nhà và công trình kiến trúc xây dựng trên thửa đất 1067 (5) có giá như sau:

Căn nhà có giá: $86,5\text{m}^2 \times 2.420.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 70\% = 146.531.000\text{đ}$.

Trần thạch cao có giá: $31,5\text{m}^2 \times 80.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 70\% = 1.764.000\text{đ}$

Hàng rào có giá: $14,7\text{m}^2 \times 310.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 70\% = 3.189.900\text{đ}$

Sân có giá: $20\text{m}^2 \times 180.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 70\% = 2.520.000\text{đ}$

Trụ công rào có giá: $2 \times (0,198\text{m}^2 \times 3.470.000\text{đ} \times 70\%) = 961.884\text{đ}$

Tổng cộng giá trị là: 154.966.784đ (Một trăm năm mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm tám mươi bốn đồng).

Như vậy, anh Kh giao cho chị Th số tiền là $154.966.784\text{đ}/2 = 77.483.392\text{đ}$ (Bảy mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn ba trăm chín mươi hai đồng), chị Th đồng ý nhận số tiền 77.483.392đ.

+ Về tài sản trong nhà: Anh Kh và chị Th đồng ý thỏa thuận, chị Th giao toàn bộ tài sản trong nhà cho anh Kh gồm: 01 bộ salon gỗ, 01 ti vi 43 in Panasonic, 01 ti vi 32 in hiệu TCL, 01 máy lạnh hiệu Sharp, bàn ghế, tủ, anh Kh giao cho chị Th số tiền 25.000.000đ.

Như vậy, về tài sản chung anh Kh và chị Th tự thỏa Thận giải quyết, anh Kh phải giao cho chị Th số tiền 102.483.392đ, xét thấy đây là sự tự thỏa Thận của anh Kh và chị Th nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa Thận này.

Về thời gian giao nhận tiền, nhà giữa anh Kh và chị Th không thống nhất, cụ thể anh Kh đồng ý giao tiền cho chị Th, chị Th giao nhà trong thời gian 1 tháng tính từ ngày xét xử hôm nay, chị Th yêu cầu thời gian lưu cư là 2 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy việc chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh Kh có liên quan đến việc giao nhà, giao tiền giữa chị Th và anh Kh, Hội đồng xét xử xét thấy, khi anh Kh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh1 thì môi trường sống rất quan trọng, hiện tại anh Kh đang ở nhà trọ tại xã M, nếu cháu Kh1 sống với anh Kh tại nhà trọ thì không tốt cho cháu Kh1, do đó Hội đồng xét xử quyết định thời gian chị Th giao nhà và thời gian giao tiền giữa anh Kh và chị Th là ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

* Xét yêu cầu phản tố của bị đơn: Tại phiên toà chị Th rút yêu cầu phản tố đối với anh Kh nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ yêu cầu phản tố của chị Th.

* Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/7/2019 bà L yêu cầu anh Kh, chị Th trả lại cho bà số tiền 150.000.000đ, mỗi người phải trả là 75.000.000đ, tuy nhiên tại phiên toà bà xin rút một phần yêu cầu độc lập của bà là không yêu cầu chị Th trả cho bà số tiền 75.000.000đ mà chỉ yêu cầu một mình anh Kh trả cho bà số tiền 75.000.000đ, không yêu cầu trả lãi suất.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 19/6/2019 Tòa án có giao cho bà L thông báo số 24/2019/TB-TA với nội dung yêu cầu bà L cung cấp tài liệu, chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện của bà nhưng từ ngày khởi kiện là ngày 03/7/2019 cho đến nay bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là anh Kh, chị Th có vay của bà số tiền 150.000.000đ, tại phiên toà bà trình bày là khi cho mượn bà và anh Kh không có làm giấy tờ, anh Kh thừa nhận có nhận số tiền 150.000.000đ của bà L nhưng cho rằng đây là tiền bà L cho vợ chồng anh sửa nhà ở chứ không phải là cho vay mượn. Chị Th thừa nhận số tiền 150.000.000đ là số tiền bà L cho vợ chồng chị vay để làm nhà nhưng chị Th cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho điều này, do đó yêu cầu khởi kiện của bà L là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà về việc buộc anh Kh trả số tiền 75.000.000đ cho bà được.

- *Về chi phí tố tụng*: Tại phiên toà, anh Kh, chị Th yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật, theo quy định tại Khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, chi phí tố tụng này liên quan đến việc thoả thuận chia tài sản chung giữa anh Kh và chị Th, mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản do đó mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí tố tụng này, anh Kh đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 749.500đ nên chị Th phải hoàn trả lại cho anh Kh số tiền 374.500đ (Ba trăm bảy mươi bốn ngàn năm trăm đồng).

[4] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên:

Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Kh, không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà L là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2, 6 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Do yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh Kh được chấp nhận nên chị Th phải chịu là 300.000đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Th, anh Kh mỗi người được nhận tài sản có giá trị là 102.483.392đ (Một trăm lẻ hai triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn ba trăm chín mươi hai đồng) nên anh Kh, chị Th mỗi người phải nộp án phí là: $102.483.392.đ \times 5\% = 5.124.000đ$ (Năm triệu một trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Tổng cộng án phí chị Th phải nộp là 5.424.000đ (Năm triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Do yêu cầu độc lập của bà L không được xem xét chấp nhận nên bà L phải nộp án phí là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 33, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; các khoản 1, 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, 6 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Quốc Hội.

Xử:

1. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh Nguyễn Lê Đăng Kh, anh Kh được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Lê Đăng Kh1, sinh ngày 21/11/2015, ghi nhận anh Kh nuôi con chung không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

Buộc chị Lê Thị Mộng Th, bà Đỗ Thị L giao cháu Nguyễn Lê Đăng Kh1, sinh ngày 21/11/2015 cho anh Nguyễn Đăng Kh trực tiếp nuôi dưỡng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị Th không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Kh trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con, theo yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa Thận giữa anh Nguyễn Đăng Kh và chị Lê Thị Mộng Th, cụ thể:

Anh Kh được toàn quyền sở hữu đối với căn nhà có diện tích 86,5m² và các công trình kiến trúc khác có trên phần đất Thộc thửa 1067 (5) tại xã B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre do anh Kh đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có họa đồ kèm theo).

Buộc chị Th giao cho anh Kh các tài sản gồm: Căn nhà có diện tích 86,5m², các công trình kiến trúc khác và các tài sản trong nhà là 01 bộ salon gỗ, 01 ti vi 43 in hiệu Panasonic, 01 ti vi 32 in hiệu TCL, 01 máy lạnh hiệu Sharp, bàn ghế, tủ có trên phần đất thuộc thửa 1067 (5) tại xã B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Buộc anh Kh phải giao cho chị Th số tiền 102.483.392đ (Một trăm lẻ hai triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn ba trăm chín mươi hai đồng).

Thời gian anh Kh giao tiền cho chị Th và chị Th giao nhà, công trình kiến trúc khác trên đất cùng các tài sản trong nhà cho anh Kh ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu phân tố của chị Th về việc yêu cầu anh Kh trả cho chị 13 chỉ vàng 24K, chị Th có quyền yêu cầu khởi kiện lại.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị L về việc yêu cầu chị Lê Thị Mộng Th trả cho bà số tiền 75.000.000đ, bà L có quyền yêu cầu khởi kiện lại.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Đỗ Thị L về việc buộc anh Nguyễn Đăng Kh trả số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng),

5. Về chi phí tố tụng: Buộc chị Lê Thị Mộng Th trả cho anh Nguyễn Đăng Kh số tiền 374.750đ (Ba trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

6. Về án phí:

Anh Kh phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.124.000đ (Năm triệu một trăm hai mươi bốn ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Kh đã nộp là 2.800.000đ (Hai triệu tám trăm ngàn đồng) theo các biên lai Th số 0002632, 0002633 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre, vậy anh Kh còn phải nộp thêm án phí là 2.324.000đ (Hai triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Chị Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.424.000đ (Năm triệu bốn trăm hai mươi bốn ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 1.235.000đ (Một triệu hai trăm ba mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai Th số 0005165 ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre, vậy chị Th còn phải nộp thêm án phí là 4.189.000đ (Bốn triệu một trăm tám mươi chín ngàn đồng).

Bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.750.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000đ theo biên lai Th tiền tạm ứng án phí số: 0002786 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, vậy án phí bà L đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Châu

Các Hội Thẩm Nhân Dân

Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

Trần Thị Kim Mỹ

Trần Văn Hồ

Nguyễn Thị Diễm Châu

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Thới Thận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Châu

